

Bản án số: 169/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Lý Chung

2. Bà Phạm Quý Phương

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 648/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Mỹ H, sinh năm 1977; địa chỉ: 2 đường N, khu phố Q, phường K, thành phố T, tỉnh Long An;

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Kiến P, sinh năm 1977; địa chỉ tạm trú: 322/21/49ST đường M, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện nhận ngày 04/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Mỹ H trình bày:*

Bà Hồ Mỹ H và ông Trần Kiến P là vợ chồng hợp pháp chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/ST, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường N, huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/07/2004.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, hai người bất đồng về quan điểm sống thường xuyên gây gổ và cãi vã, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Ông P không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng sống ly thân đã 02 năm nay. Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Kiến P để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Mỹ P1, sinh ngày 19/10/2006 và Trần Kim Y, sinh ngày 17/02/2013. Trẻ P2 và trẻ Y hiện đang do bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định trong quá trình chung sống bà H với ông P không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngày 01/3/2023 bà Hồ Mỹ H có nộp Đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện và xin bảo lưu ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

\* Đối với bị đơn ông Trần Kiến P: Theo kết quả xác minh của Công an P3, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/11/2022: “Ông Trần Kiến P, sinh năm 1977 hiện đang tạm trú tại 322/21/49ST đường M, Phường B, Quận A, ...”.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ ông Trần Kiến P nhưng ông P không đến Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được. Tại phiên tòa xét xử vụ án, ông P cũng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: “Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát trễ hạn. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

\* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồ Mỹ H và ông Trần Kiến P chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H xin ly hôn với ông P, bị đơn có nơi cư trú tại Quận A nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy



định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

\* Về người tham gia tố tụng:

Ngày 01/3/2023, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông **Trần Kiến P** nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

\* Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà **Hồ Mỹ H**:

Bà **Hồ Mỹ H** và ông **Trần Kiến P** tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/ST đăng ký ngày 20/7/2004. Quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **P** là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà **H** và ông **P** đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân chủ yếu cả hai bất đồng nhiều mặt trong cuộc sống, hai người thường xuyên gây gổ và cãi vã, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Ông **P** không chung thủy, vợ chồng sống ly thân đã 02 năm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cả hai không còn liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hòa giải với nhau để đoàn tụ gia đình. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo cho ông **P** đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông **P** đều vắng mặt không lý do, thể hiện ông **P** không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào những nhận định nêu trên và căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định: “*Khi tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”. Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Hồ Mỹ H** được ly hôn với ông **Trần Kiến P**.

\* Về con chung: Con chung tên **Trần Mỹ P1**, sinh ngày 19/10/2006 và **Trần Kim Y**, sinh ngày 17/02/2013. **Trẻ P2** và trẻ **Y** hiện đang do bà **H** nuôi dưỡng, không yêu cầu ông **P** cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo các phiên hòa giải nêu rõ nội dung các yêu cầu nuôi con chung của bà **H** nhưng ông **P** không có mặt tại Tòa và cũng không có văn bản phản đối. Xét thấy 02 con chung còn nhỏ và là bé gái theo các Biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023 và ngày 14/12/2022, hai trẻ đều có nguyện vọng sống với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho các con chung và đảm bảo về mặt tâm lý cho trẻ cần chấp nhận yêu cầu để bà **H** được nuôi dưỡng trẻ **Trần Mỹ P1** và trẻ **Trần Kim Y**.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà **H** không yêu cầu ông **P** cấp dưỡng tiền nuôi con.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Bà **H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:*

Về án phí dân sự sơ thẩm bà **Hồ Mỹ H** phải nộp án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Hồ Mỹ H**.

Bà **Hồ Mỹ H** được ly hôn với ông **Trần Kiến P**.

2. Về con chung: Giao bà **Hồ Mỹ H** được nuôi dưỡng trẻ **Trần Mỹ P1** (nữ), sinh ngày 19/10/2006 và trẻ **Trần Kim Y** (nữ), sinh ngày 17/02/2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà **H** không yêu cầu ông **Trần Kiến P** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Ông **P** được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông **P** thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà **Hồ Mỹ H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0020566 ngày 09/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **H** đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông **Trần Kiến P** và bà **Hồ Mỹ H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS QUẬN 11;
- UBND P.Nhị Thành, H.Thủ Thừa, T.Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mỹ Duyên**